

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2026/DS-ST**

Ngày: 14/01/2026

V/v tranh chấp: “Kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích;

Bà Phạm Thị Lợi.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết – Là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 172/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị B**, sinh năm: 1970. Căn cước công dân số 083170..... cấp ngày 02/4/2021 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 16A đường N, ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Chị **Trần Ngọc B2**, sinh ngày: 10/4/1981 – chủ Doanh Nghiệp tư nhân Kim N – Kim C. Căn cước công dân số 083181..... cấp ngày 26/8/2022 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 59 đường T, ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Tấn P**, sinh ngày: 06/8/1979 Căn cước công dân số 083079..... (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 59 đường T, ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2025, bản tự khai ngày 05/11/2025; biên bản hòa giải ngày 05/11/2025 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Võ Thị B trình bày:*

Ngày 26/10/2023 do cần tiền xài tết nên chị có đem 10 cây (lượng) vàng

24k để đến tiệm vàng Kim N – Kim C gửi. Lúc này tiệm vàng chỉ treo biển là tiệm vàng Kim N - Kim C có trưng bày vàng nhưng rất ít. Chị có hỏi vì sao không trưng bày bán thì chị Trần Ngọc B2 – chủ doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C nói do đang làm đường nên không trưng bày sợ bụi. sau đó chị gửi 10 cây vàng 24k (10 lượng vàng) thời gian gửi là 3 tháng, lãi suất chị không để ý bao nhiêu phần trăm nhưng theo giấy gửi do chị Trần Ngọc B2 ghi 10 cây vàng, lãi suất 4 phần trăm tương đương 0.4%/tháng. Tổng cộng lãi 3 tháng là 1 chỉ 20 phần tương đương số tiền lãi là 18.540.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng). Tuy nhiên, chị B2 chưa giao tiền lãi cho chị. Trong thời gian 3 tháng này chị để ý theo dõi tình hình kinh doanh của tiệm vàng thì phát hiện sau khi làm đường xong tiệm vẫn không mở cửa kinh doanh. Sau 3 tháng chị đến yêu cầu nhận lại vàng thì chị Trần Ngọc B2 không trả. Sau nhiều lần đòi vàng đến tháng 6/2024 chị Trần Ngọc B2 có trả cho chị được 01 cây vàng 24k. Hiện nay chị Trần Ngọc B2 cũng đã tháo dỡ bảng hiệu kinh doanh, nhà là nơi kinh doanh cũng đã bán cho người khác nhưng không trả vàng cho chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Ngọc B2 – Chủ doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C cùng anh Nguyễn Tấn P liên đới trả cho chị số vàng là 9 cây vàng 24k (9 lượng vàng 24k). Không yêu cầu tính lãi suất. Chị không đồng ý yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 01 chỉ vàng.

** Tại biên bản hòa giải, công khai chứng cứ ngày 05/11/2025 chị Trần Ngọc B2 trình bày.*

Chị là chủ doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C. Hiện nay doanh nghiệp đã ngừng hoạt động nhưng chưa giải thể. Chị thừa nhận ngày 26/10/2023, chị Võ Thị B có đem 10 cây vàng (10 lượng vàng) 24k đến tiệm vàng Kim N – Kim C do chị làm chủ để gửi vàng, loại vàng nhẫn. Lãi suất 0.4%/tháng. Thời gian gửi không có thời hạn. Tuy nhiên sau ba tháng chị B đến yêu cầu trả vàng chị chưa có khả năng trả vốn và lãi nên mới ghi số lãi 3 tháng là 18.540.000 đồng, tiền lãi vẫn chưa trả cho chị B. Sau thời gian gửi, sẽ trả lại vàng nhẫn nhưng vàng hiệu nào cũng được miễn sao đúng khối lượng và chất lượng vàng. Mục đích nhận gửi vàng của chị là để có vốn kinh doanh. Nhưng do kinh doanh thua lỗ nên đến hạn trả vàng chị chưa có vàng trả lại cho chị B. Việc chị B trình bày từ khi nhận vàng chị không có kinh doanh là không đúng. Vào thời điểm chị B gửi vàng do đường đang làm nên không có trưng bày, sau thời điểm sửa đường tiệm vẫn mở cửa kinh doanh. Vẫn có trưng bày vàng bán. Giấy gửi vàng ngày 26/10/2023 là do chị viết ký tên và đóng dấu doanh nghiệp. Riêng chữ viết 13/6 chị B nhận 01 cây vàng 24k là của nhân viên của chị viết không phải chị. Ngày 13/6/2024 chị có trả cho chị B 01 cây vàng 24k nên ghi nội dung này. Hiện nay chị thừa nhận còn nợ chị B 9 cây vàng 24k chưa trả. Việc kinh doanh vàng và nhận gửi vàng của chị B chồng tôi anh Nguyễn Tấn P có biết và đồng ý liên đới trả nợ cùng tôi.

Việc chị B trình bày nhà chị đã bán không trả tiền cho chị B là không đúng. Nhà làm địa điểm kinh doanh mua bán. Do chị thế chấp ngân hàng, nợ

nhiều người nên hiện đã bán cho người khác. Khi bán nhà, anh chị là anh H có đứng ra trả tiền thay chị, cho nhiều người, nhưng khi nhân viên đem 01 cây vàng đến trả cho chị B chị không nhận.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của chị B, chị thừa nhận còn nợ chị Võ Thị B 09 cây vàng 24k. Đồng ý liên đới cùng anh P trả số vàng trên cho chị B, nhưng xin trả dần mỗi tháng 01 chỉ vàng cho đến khi hết nợ.

** Anh Nguyễn Tấn P mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể thu thập lời khai.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Trần Ngọc B2, anh Nguyễn Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Ngọc B2, anh Nguyễn Tấn P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ vào việc chị Trần Ngọc B2, anh Nguyễn Tấn P có đăng ký thường trú tại số 59 đường T, Ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Vĩnh Long.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị Võ Thị B khởi kiện yêu cầu chị Trần Ngọc B2 – Chủ doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C và anh Nguyễn Tấn P liên đới trả lại số vàng là 09 lượng vàng 24k. Do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp kiện đòi tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án.

[3.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị B yêu cầu chị Trần Ngọc B2 – Chủ doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C và anh Nguyễn Tấn P liên đới trả lại số vàng là 09 lượng vàng 24k.* Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy gửi vàng đề ngày 26/10/2023. Nội dung thể hiện ngày 26/10/2023 chị Võ Thị B có gửi 10 lượng vàng 24k cho chị Trần Ngọc B2 – chủ doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C. Khi gửi hai bên có lập văn bản là giấy gửi vàng ngày 26/10/2023 do chính chị Trần Ngọc B2 ghi ký tên và đóng dấu doanh nghiệp tư nhân Kim N – Kim C do chị Bích làm chủ. Cũng tại giấy gửi vàng ngày 26/10/2023 có nội dung 13/6 chị B nhận 10 chỉ (01 lượng) vàng 24k. Điều này đã được cả chị Bích và chị B thừa nhận là đúng. Do đó, đây là tình tiết chị B không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, đến nay chị Trần Ngọc B2 – chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C còn nợ chị Võ Thị B

09 lượng (cây) vàng 24k chưa trả. Chị Trần Ngọc B2 – chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C đã thực hiện đầy đủ quyền nhận tài sản nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản khi đến hạn là đã vi phạm nghĩa vụ của người nhận giữ tài sản. Nên cần buộc chị Trần Ngọc B2 – chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C trả lại cho chị Võ Thị B 09 cây vàng 24k là phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị B yêu cầu anh Nguyễn Tấn P liên đới cùng chị Trần Ngọc B2 – chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C trả cho chị 09 lượng vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy. Căn cứ vào lời trình bày của chị Trần Ngọc B2 thì việc chị Bích nhận gởi vàng của chị B nhằm mục đích kinh doanh. Khi nhận gởi vàng anh P có biết và Khi nhận gởi vàng hiện nay quan hệ hôn nhân giữa chị Bích và anh P vẫn còn tồn tại. Suốt quá trình giải quyết vụ án mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 27 luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Nguyễn Tấn P liên đới cùng chị Trần Ngọc B2 – chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C trả cho chị Võ Thị B 09 lượng vàng 24k là phù hợp.

[3.3] Do hiện nay không có quy định về mức lãi suất cho vay vàng. Chị Võ Thị B không yêu cầu chị Trần Ngọc B2 phải trả số tiền lãi 18.540.000 đồng và lãi suất của số vàng nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị B được chấp nhận nên chị Trần Ngọc B2 – chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C và anh Nguyễn Tấn P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cụ thể (giá vàng 24k tại thời điểm xét xử là 15.100.000 đồng/01 chỉ) là: $15.100.000 \text{ đồng} \times 90 \text{ chỉ} = 1.359.000.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 559.000.000 \text{ đồng}) = 52.770.000 \text{ đồng}$ (Năm mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị B đối với chị Trần Ngọc B2 – chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C và anh Nguyễn Tấn P về việc “Kiện đòi tài sản”.

2. Buộc chị Trần Ngọc B2 – chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C và anh Nguyễn Tấn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị B số vàng còn nợ là 09 lượng (09 cây) vàng 24k.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Trần Ngọc B2 – chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C và anh Nguyễn Tấn P phải liên đới chịu là 52.770.000 đồng (Năm mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho chị Võ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.919.500 đồng (Mười tám triệu chín trăm mười chín ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003594 ngày 30/9/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Võ Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trần Ngọc B2 - chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim N - Kim C, anh Nguyễn Tấn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- Cơ quan THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thái Dương